

Bản án số: 11 /2019/HS - ST

Ngày 27/02/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ - TỈNH NINH BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Mão

Bà Phạm Thúy H

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Kim Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mô.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô tham gia phiên tòa:***
Ông Lê Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 2 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2019/HSST ngày 30 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST - HS ngày 15 tháng 02 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Trần Văn T- sinh năm 1986; tại: Xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình ; nơi cư trú: Thôn 83, Xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B và bà Vũ Thị T; có vợ Trương Thị C và con có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/11/2018 đến ngày 28/11/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo Hà Văn H- sinh năm 1986, tại: Xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Thôn 6, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn Ú và bà Nguyễn Thị T; có vợ Cao Thị T và con

có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/11/2018 đến ngày 28/11/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo Lại Cao C- sinh năm 1982; tại: Xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Thôn Hoàng Tiến, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lại Cao B và bà Phạm Thị M; có vợ Vũ Thị D và con có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/11/2018 đến ngày 28/11/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Bị cáo Trần Văn H1- sinh năm 1987; tại: Xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình ; nơi cư trú: Thôn 83, Xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Đoàn Thị H ; có vợ Nguyễn Thị H và con có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không .Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/11/2018 đến ngày 28/11/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Bị cáo Trịnh Xuân Đ- sinh năm 1982; tại: Thành phố T, tỉnh Ninh Bình; hộ khẩu thường trú: Tổ 11, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Tổ 5, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Xuân Đ (đã chết) và bà Lê Thị N; có vợ Nguyễn Thị H và con có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; Lịch sử bản thân: Tại bản án số 45/2015/HSST ngày 28/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp xử phạt 10.000.000 đồng về tội “ Đánh bạc” và án phí hình sự 200.000 đồng, ngày 23/11/2015 bị cáo nộp xong án phí hình sự và ngày 15/02/2016 bị cáo đã nộp phạt xong 10.000.000 đồng.Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/11/2018 đến ngày 28/11/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Bị cáo Phạm Văn H2- sinh năm 1984; tại: xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Thôn Dân Mới, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình nghề nghiệp:

Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H (đã chết) và bà Tống Thị Đ; có vợ Phạm Thị D và con có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; Lịch sử bản thân: Tại bản án số 59/2008/HSST ngày 10/6/2008 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và án phí hình sự 50.000 đồng, ngày 19/8/2008 chấp hành xong hình phạt tù và ngày 12/9/2008 bị cáo chấp hành xong bản án. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/11/2018 đến ngày 28/11/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Bị cáo Vũ Quang T2- sinh năm 1984; tại: Xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình ; nơi cư trú: Thôn T, Xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Xuân T và bà Đoàn Thị N có vợ Phạm Thị T và con có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/11/2018 đến ngày 28/11/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Bị cáo Bùi Văn D- sinh năm 1986; tại: Xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình ; nơi cư trú: Thôn 83, Xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T (đã chết) và bà Lê Thị Đ; có vợ Lê Thị T và con có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/11/2018 đến ngày 28/11/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

9. Bị cáo Phạm Văn T3- sinh năm 1995; tại: Xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình ; nơi cư trú: Thôn H, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn S và bà Hồ Thị Ú; Chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/11/2018 đến ngày 28/11/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo Lại Cao C:** Bà Đoàn Thị H là trợ giúp pháp lý thuộc Ttâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Ninh Bình. Có mặt

*** Người làm chứng:**

- Anh Tống Văn H4. Vắng mặt.
- Anh Phạm Văn K. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 22/11/2018, sau khi cùng nhau đi đám cưới anh Vũ Văn D, sinh năm 1989 ở thôn 83, xã Y, huyện Y. Trần Văn T rủ Bùi Văn D, Trần Văn H1, Vũ Quang T2, Phạm Văn H3, Phạm Văn T3, Lại Cao C, Hà Văn H, Trịnh Xuân Đ và Tống Văn H5 về nhà T ở thôn 83, xã Y, huyện Y ngồi chơi, uống nước mọi người đồng ý. Sau đó, T cùng Đ, T2, H2, H1 và H3 về nhà T trước đến nơi do vợ T vừa sinh con nhỏ nên T rủ mọi người xuống gian bếp của gia đình ngồi uống nước, nói chuyện. Đến khoảng 11 giờ 10 phút cùng ngày, trong lúc ngồi uống nước, T nhìn thấy trên bàn uống nước có 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân nên nảy sinh ý định chơi bài được thua bằng tiền, T cầm bộ bài tú lơ khơ lên, nói: “Anh em mình làm tý Liêng” được Đ, T2, H2, H1 và H3 đồng ý chơi bài, riêng H3 không tham gia chơi mà ngồi xem. T thống nhất với Đ, T2, H2, H1 mỗi ván đặt cược tối thiểu 10.000 đồng, đặt cược tối đa là 50.000 đồng rồi cầm bộ tú lơ khơ chia ván bài đầu tiên. Đến khoảng 11 giờ 20 phút cùng ngày, khi năm người đang ngồi đánh bạc thì T3, C, H, D cũng từ đám cưới vào nhà T thấy T, Đ, T2g, H2, H1 đang đánh bài được thua bằng tiền thì cùng tham gia chơi. Cách thức chơi và mức đặt cược không thay đổi. Đến 11 giờ 40 phút thì bị tổ công tác Công an huyện Yên Mô phát hiện, bắt quả tang. Thu giữ tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 10.520.000 đồng và 01 bộ bài 52 quân.

Quá trình điều tra xác định Trần Văn T sử dụng số tiền 3.170.000 đồng đánh bạc khi bị bắt T thua số tiền 490.000 đồng, Phạm Văn H2 sử dụng số tiền 100.000 đồng đánh bạc khi bị bắt H2 thua hết số tiền 100.000 đồng, Phạm Văn T3 sử dụng số tiền 100.000 đồng đánh bạc khi bị bắt T3 thua hết số tiền 100.000 đồng, Trịnh Xuân Đ sử dụng số tiền 110.000 đồng đánh bạc khi bị bắt Đ thua số tiền 10.000 đồng, Hà Văn H sử dụng số tiền 5.000.000 đồng đánh bạc khi bị bắt H thua số tiền 90.000 đồng, Trần Văn H1 sử dụng số tiền 500.000 đồng đánh bạc khi bị bắt H1 thắng số tiền 680.000 đồng, Vũ Quang T2 sử dụng số tiền 40.000 đồng đánh bạc khi bị bắt T2 thắng số tiền 110.000 đồng; Lại Cao C sử dụng số tiền 1.400.000 đồng, Bùi Văn D sử dụng số tiền 100.000 đồng để đánh bạc khi bị bắt C và D không thắng không thua

Tại bản Cáo trạng số 10/CT - VKS ngày 29/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô đã truy tố Trần Văn T, Hà Văn H, Lại Cao C, Trần Văn H1, Trịnh Xuân Đ, Vũ Quang T2, Bùi Văn D, Phạm Văn H2, Phạm Văn T3 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1, khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trần Văn Thao, Hà Văn H, Lại Cao C, Trần Văn H1, Trịnh Xuân Đ, Phạm Văn H2, Vũ Quang T2, Bùi Văn D, Phạm Văn T3 về tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 - Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự đối với Trần Văn T và Trịnh Xuân Đ. (Riêng Trần Văn T áp dụng thêm điểm i - khoản 1 - Điều 51 Bộ luật hình sự). Xử phạt:

Trần Văn Thao, Trịnh Xuân Đ mỗi bị cáo từ 30.000.000đ đến 35.000.000đ.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 - Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự đối với Hà Văn H, Phạm Văn H. (Riêng Hà Văn H áp dụng thêm điểm i - khoản 1, khoản 2 - Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

Hà Văn H, Phạm Văn H2 mỗi bị cáo từ 25.000.000đ đến 30.000.000đ.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 - Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự đối với Lại Cao C, Trần Văn H1, Vũ Quang T2, Bùi Văn D, Phạm Văn T3. (Riêng Lại Cao C áp dụng thêm điểm p - khoản 1, khoản 2 - Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

Lại Cao C, Trần Văn H1, Vũ Quang T2, Bùi Văn D, Phạm Văn T3 mỗi bị cáo từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ.

Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 - Điều 47 Bộ luật hình sự. Khoản 2 điểm a khoản 3 - Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu xung Ngân sách nhà nước số tiền 10.520.000 đồng (mười triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng).

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 quân.

+ Trả cho Lại Cao C 01 ví giả da màu nâu; trả cho Hà Văn H 01 ví giả da màu đen.

Án phí hình sự: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm d khoản 1 - Điều 12 Nghị quyết 326.

- Miễn án phí hình sự cho bị cáo Lại Cao C.

- Các bị cáo Trần Văn T, Hà Văn H, Trần Văn H1, Trịnh Xuân Đ, Phạm Văn H2, Vũ Quang T3, Bùi Văn D, Phạm Văn T3 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành phạm tội của mình, thừa nhận bản cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội. Các bị cáo đều đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo và cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Người bào chữa cho bị cáo Lại Cao C đề nghị Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô truy tố đối với bị cáo C về tội “Đánh bạc” là đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo C cụ thể bị cáo là người khuyết tật nặng, gia đình có hoàn cảnh khó khăn là hộ nghèo, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã khai báo thành khẩn ăn năn hối cải về hành vi phạm tội ; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm i, s, p khoản 1, khoản 2 - Điều 51 Bộ luật hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo Lại Cao C. Miễn án phí hình sự cho bị cáo Lại Cao C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Yên Mô, điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo Trần Văn T, Hà Văn H, Lại Cao C, Trần Văn H1, Trịnh Xuân Đ, Phạm Văn H2, Vũ Quang T2, Bùi Văn D, Phạm Văn T3 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với biên bản bắt quả tang; phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do vậy có đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng

11 giờ 10 phút ngày 22/11/2018 tại nhà Trần Văn T ở thôn 83, Xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình ; Trần Văn T cùng với Trần Văn H1, Trịnh Xuân Đ, Phạm Văn H2, Vũ Quang T2, Hà Văn H, Lại Cao C, Bùi Văn D, Phạm Văn T3 có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền bằng hình thức chơi “ Liêng” với mức sát phạt tối thiểu 10.000 đồng phạt tối đa là 50.000 đồng. Đến khoảng 11 giờ 40 phút thì bị Công an huyện Yên Mô bắt quả tang thu giữ tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào đánh bạc là 10.520.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo Trần Văn T cùng với Trần Văn H1, Trịnh Xuân Đ, Phạm Văn H2, Vũ Quang T2, Hà Văn H, Lại Cao C, Bùi Văn D, Phạm Văn T3 đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 – Điều 321 Bộ luật hình sự.

Điều 321: Tội đánh bạc

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000đ đến dưới 50.000.000đ hoặc dưới 5.000.000đ nhưng đã bị xử phạt vi phạm H2chính về H2vi này hoặc H2vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của bộ luật này chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt tiền từ 20.000.000đ đến 100.000.000đ, phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm.

Cáo trạng số 10/CT - VKS ngày 29/01/2019 truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự an toàn công cộng, ảnh hưởng xấu đến tình hình trị an ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân là nguyên nhân gây nên nhiều tội phạm khác. Do vậy đưa các bị cáo ra truy tố, xét xử và áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo là cần thiết, nhằm giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Xét về vai trò của các bị cáo: Các bị cáo tham gia vụ án với tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc thống nhất từ trước. Căn cứ vào mức độ thực hiện H2vi phạm tội của các bị cáo thì thấy:

Bị cáo Trần Văn T là người khởi xướng rủ các bị cáo tham gia đánh bạc, sử dụng nhà ở của gia đình để đánh bạc và sử dụng số tiền 3.170.000đ để đánh bạc nên Trần Văn T được xếp vai trò đầu trong vụ án.

Các bị cáo Trần Văn H1, Trịnh Xuân Đ, Phạm Văn H2, Vũ Quang T2, Hà Văn H, Lại Cao C, Bùi Văn D, Phạm Văn T3 khi được Trủ đánh bạc thì tham gia luôn. Căn cứ vào số tiền các bị cáo đánh bạc để xác định vai trò của các bị cáo.

Đối với Hà Văn H sử dụng số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) để đánh bạc nên Hà Văn H được xác định có vai trò thứ hai.

Đối với Lại Cao C sử dụng số tiền 1.400.000đ (một triệu bốn trăm ngàn đồng) để đánh bạc nên C được xác định có vai trò thứ ba.

Đối với Trần Văn H1, Trịnh Xuân Đ, Vũ Quang T2, Bùi Văn D, Phạm Văn H2, Phạm Văn T3 sử dụng số tiền đánh bạc ít và số tiền chênh lệch nhau không lớn nên các bị cáo H1, Đ, T2, D, H2, T3 được xác định có vai trò ngang nhau và là vai trò cuối trong vụ án.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Trần Văn T, Hà Văn H, Lại Cao C, Trần Văn H1, Vũ Quang T2, Bùi Văn D, Phạm Văn T3 đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thật thà khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 – Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Lại Cao C là người khuyết tật nên được áp dụng thêm điểm p khoản 1 - Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Trịnh Xuân Đ, Phạm Văn H2 quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thật thà khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 – Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lại Cao C có hoàn cảnh khó khăn gia đình là hộ nghèo, Hà Văn H có bố là thương binh nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 - Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng: Tất cả các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về nhân thân của các bị cáo:

Đối với bị cáo Trịnh Xuân Đ tại bản án số 45/2015/HSST ngày 28/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt Trịnh Xuân Đ 10.000.000 đồng về tội

“Đánh bạc” và án phí hình sự 200.000 đồng, ngày 23/11/2015 bị cáo nộp xong án phí hình sự và ngày 15/02/2016 bị cáo đã nộp phạt xong 10.000.000 đồng. Đối với bị cáo Phạm Văn H2 tại bản án số 59/2008/HSST ngày 10/6/2008 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và án phí hình sự 200.000 đồng, ngày 12/9/2008 bị cáo nộp xong án phí hình sự và ngày 19/8/2018 chấp hành xong hình phạt tù. Đến khi thực hiện hành vi phạm tội lần này bị cáo Đ và bị cáo H2 được xác định đã được xóa án tích.

Đối với Trần Văn T, Hà Văn H, Lại Cao C, Trần Văn H1, Vũ Quang T2, Bùi Văn D, Phạm Văn T3 đều có nhân thân tốt.

[6] Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, vị trí vai trò của các bị cáo trong vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Đối với Trần Văn T là người giữ vai trò đầu, trực tiếp rủ các bị cáo khác đánh bạc. Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo đều phạm tội ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng nên chỉ cần áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ và áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền và khấu trừ một phần thu nhập đối với bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ giáo dục bị cáo thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

Đối với Hà Văn H, Lại Cao C, Trần Văn H1, Trịnh Xuân Đ, Vũ Quang T2, Bùi Văn D, Phạm Văn H2h, Phạm Văn T3 có vai trò sau và sử dụng số tiền đánh bạc ít, đều chưa có tiền án tiền sự, phạm tội ít nghiêm trọng. Do vậy cần áp dụng Điều 35 Bộ luật hình sự phạt tiền đối với các bị cáo là đủ giáo dục cải tạo các bị cáo thành công dân tốt, có ích cho xã hội. Mức phạt đối với bị cáo H cao hơn các bị cáo khác. Bị cáo Lại Cao C có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo là người khuyết tật nặng, gia đình có hoàn cảnh khó khăn nên mức phạt đối với bị cáo C nhẹ hơn đối với bị cáo khác.

[7] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền 10.520.000 đồng các bị cáo sử dụng để đánh bạc đây là phương tiện, công cụ dùng vào việc phạm tội, do vậy cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu số tiền trên của các bị cáo xung ngân sách Nhà Nước.

- Đối với bộ bài tú lơ khơ 52 quân đây là phương tiện, công cụ phạm tội của các bị cáo, không còn giá trị sử dụng. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 ví giả da màu nâu thu của Lại Cao C, 01 ví giả da màu đen thu của Hà Văn H là tài sản của bị cáo không liên quan đến H2vi phạm tội. Do vậy cần căn cứ khoản 3- Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho các bị cáo.

- Đối với 01 xe gắn máy nhãn hiệu Hadosiva biển kiểm soát 35AA - 03666 thu giữ của Phạm Văn H2 quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của chị Phạm Thị Dung; 01 xe mô tô nhãn hiệu Taurus BKS 35H3- 2659 thu giữ của Hà Văn H là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Cảnh Toàn; 01 xe mô tô nhãn hiệu Wazelet BKS 35F9- 3231 thu giữ của Trần Văn H1 là tài sản hợp pháp của ông Trần Văn Hợi. Quá trình sử dụng chị Dung, anh Toàn, ông Hợi cho các bị cáo mượn để đi đám cưới, không liên quan đến H2vi phạm tội nên cơ quan điều tra Công an huyện Yên Mô trả lại cho chị Dung, anh Toàn, ông Hợi là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Án phí hình sự:

Bị cáo Lại Cao C là người khuyết tật và là hộ nghèo; xét đơn đơn xin miễn án phí của bị cáo. Căn cứ Điều 11, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 miễn án phí hình sự cho bị cáo Lại Cao C.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp án phí và quản lý sử dụng án phí. Các bị cáo Trần Văn Thao, Hà Văn Hồng, Trần Văn Huân, Trịnh Xuân Đức, Vũ Quang Trung, Bùi Văn Dân, Phạm Văn Hành, Phạm Văn T3 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn T cùng với Trần Văn H1, Trịnh Xuân Đ, Phạm Văn H2, Vũ Quang T2, Hà Văn H, Lại Cao C, Bùi Văn D, Phạm Văn T3 phạm tội “Đánh bạc”.

2. Điều luật và hình phạt

2.1 Áp dụng: khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Trần Văn T** 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 6 (sáu) ngày tạm giữ (từ 22/11/2018 đến 28/11/2018) bằng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo Trần Văn T còn phải chấp H2 tiếp 14 (mười bốn) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi H2 án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân Xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình giám sát và giáo dục trong thời gian chấp H2 hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo Trần Văn T trong thời gian chấp H2 hình phạt cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung bị cáo Trần Văn T 10.000.000đ (mười triệu đồng).

2.2. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự đối với Hà Văn Hồng, Phạm Văn Hành, Trịnh Xuân Đức, Lại Cao C, Trần Văn Huân, Vũ Quang Trung, Bùi Văn Dân, Phạm Văn Tuấn. (Các bị cáo Hà Văn Hồng, Lại Cao C, Trần Văn Huân, Vũ Quang Trung, Bùi Văn Tuấn áp dụng thêm điểm i - khoản 1- Điều 51 Bộ luật hình sự. Lại Cao C áp dụng thêm điểm p khoản 1- khoản 2 - Điều 51 Bộ luật hình sự; Hà Văn H áp dụng thêm khoản 2 - Điều 51 Bộ luật hình sự):

- Xử phạt: **Hà Văn H** 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng).

- Xử phạt: Trịnh Xuân Đ, Phạm Văn H2, Vũ Quang T2, Hà Văn H, Bùi Văn D, Phạm Văn mỗi bị cáo 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng).

Xử phạt: **Lại Cao C**: 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

3. Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Điểm a, c khoản 2, khoản 3 – Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu xung Ngân sách nhà nước số tiền 10.520.000 đồng (mười triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng) hiện đang quản lý tại Kho bạc nhà nước huyện

Yên Mô theo Ủy nhiệm chỉ lập ngày 22/1/2019 giữa Công an huyện Yên Mô và Chi cục thi H2án dân sự huyện Yên Mô.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân.

- Trả cho Lại Cao C01 ví giả da màu nâu; trả cho Hà Văn H01 ví giả da màu đen.

Chi tiết vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/1/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Mô và Chi cục thi H2án dân sự huyện Yên Mô.

4. Án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp án phí và quản lý sử dụng án phí.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lại Cao C.

Các bị cáo Trần Văn T, Hà Văn H, Trần Văn H1, Trịnh Xuân Đ, Phạm Văn H2, Vũ Quang T2, Bùi Văn D, Phạm Văn T3 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình (1).
- VKSND tỉnh Ninh Bình (1)
- VKSND huyện Yên Mô (1).
- Công an huyện Yên Mô (1).
- Cơ quan THA hình sự huyện Yên Mô (1).
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Ninh Bình.
- Các bị cáo (9).
- UBND xã (4).

- *Lưu hồ sơ.*
- *Lưu án văn.*

Nguyễn Thị Hoa